

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST

Ngày: 11 - 9 - 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phạm Ngọc Hùng;

+ Ông Lê Quang Chính.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Nguyễn Trúc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa:* Bà Nguyễn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/HSST-QĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

NGUYỄN TẤN D, sinh năm 1999 tại tỉnh Khánh Hòa (trước đây là tỉnh Ninh Thuận). Nơi cư trú: Thôn I, xã N, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là: Khu phố I, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn M và bà Lê Thị Hồng H; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Có vợ Đặng Thị D1, sinh năm: 1996, con tên Nguyễn Tấn Q, sinh năm: 2017, con tên Nguyễn Đặng Bảo N, sinh năm: 2019.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 23/6/2024 bị Công an huyện N xử phạt 6.500.000 đồng về hành vi “*Cầm theo hung khí gây rối trật tự công cộng*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000121/QĐ-XPHC, ngày 24/6/2024 chấp hành xong phạt tiền.

Nhân thân: Ngày 28/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HHST; Ngày 29/01/2019 bị Công an huyện T xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “*Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật, phương tiện giao thông các loại dao, các loại công cụ, phương tiện khác thường dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPVPHC;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trương Văn K, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn I, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Chị Bùi Thảo H1, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông Trương Văn H2, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông Nguyễn Vũ C, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Bà Đặng Thị L, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Thôn I, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông Trần Hữu L1, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn I, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/5/2023 đến ngày 23/12/2024 Nguyễn Tấn D đã cho nhiều người trên địa bàn xã N, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là huyện N, tỉnh Ninh Thuận) vay tiền bằng hình thức vay đúng (*tức là thu tiền lãi hàng ngày chưa bao gồm tiền gốc*) với mức lãi suất cho vay từ 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 182,5%/năm đến 547,5%/năm). Khi cho vay không cần người vay phải thế chấp, cầm cố tài sản và không viết giấy tờ hay làm hợp đồng. D theo dõi việc cho vay bằng việc ghi sổ. Cách thức trả tiền gốc và lãi thông qua việc chuyển khoản đến tài khoản số 0811000050401 của D được mở tại Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh N2 (V) hoặc D trực tiếp nhận tiền mặt.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định được D đã cho 06 người vay tiền và thu tiền lãi, cụ thể như sau:

1. Ngày 01/10/2023, Nguyễn Tấn D cho ông Trương Văn K, sinh năm 1989, trú tại thôn A, xã N, tỉnh Khánh Hòa (Trước đây là khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 547,5%/năm). Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 16/12/2024, ông K đã trả cho Danh số tiền lãi là 33.150.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 1.210.959 đồng, số tiền thu lợi bất chính là **31.939.041** đồng. Ông K đã thanh toán cho D 5.000.000 đồng tiền gốc.

2. Ngày 07/5/2023, Nguyễn Tấn D cho chị Bùi Thảo H1, sinh năm 2001, trú tại thôn N, xã P, tỉnh Khánh Hòa (Trước đây là thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) vay 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 365%/năm). Từ ngày 07/5/2023 đến ngày 23/12/2024, chị H1 đã trả cho Danh số tiền lãi là 17.850.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 978.082 đồng, số tiền thu lợi bất chính là **16.871.918** đồng. Chị H1 còn nợ D 3.000.000 đồng tiền gốc.

3. Ngày 01/8/2024, Nguyễn Tấn D cho ông Trương Văn H2, sinh năm 1997, trú tại thôn A, xã N, tỉnh Khánh Hòa (Trước đây là khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) vay 7.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 365%/năm). Từ ngày 01/8/2024 đến ngày 09/9/2024, ông H2 đã trả cho Danh số tiền lãi là 2.800.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 153.425 đồng, số tiền thu lợi bất chính là **2.646.575** đồng. Ông H2 đã thanh toán cho D 7.000.000 đồng tiền gốc.

Trước đó, ngày 01/9/2023, Nguyễn Tấn D còn cho ông Trương Văn H2 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 547,5%/năm), đến ngày 11/10/2023, ông H2 đã trả số tiền lãi là

3.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 109.589 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.890.411 đồng, đồng thời thanh toán hết tiền gốc cho D.

4. Nguyễn Tấn D cho ông Nguyễn Vũ C, sinh năm 1991, trú tại thôn H, xã N, tỉnh Khánh Hòa (Trước đây là khu phố H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) vay tổng cộng 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 14/01/2024, D cho ông C vay số tiền 3.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 547,5%/năm). Từ ngày 14/01/2024 đến ngày 12/3/2024, ông C đã trả cho Danh số tiền lãi là 2.565.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 93.699 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.471.301 đồng. Ngày 12/3/2024, ông C trả cho D 1.000.000 đồng tiền nợ gốc, nợ gốc còn lại là 2.000.000 đồng tiếp tục được áp dụng mức lãi suất là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 547,5%/năm). Từ ngày 12/3/2024 đến ngày 13/5/2024, ông C đã trả cho Danh số tiền lãi là 1.860.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 67.945 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.792.055 đồng.

- Lần 2: Ngày 14/5/2024, D cho ông C vay số tiền 2.000.000 đồng và được cộng dồn vào số tiền gốc ông C còn nợ thành 4.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 547,5%/năm). Từ ngày 14/5/2024 đến ngày 20/12/2024, ông C đã trả cho Danh số tiền lãi là 13.200.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 482.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 12.717.808 đồng.

Tổng số tiền lãi ông C đã trả cho D là 17.625.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 643.836 đồng, số tiền thu lợi bất chính là **16.981.164** đồng. Ông C đã thanh toán cho D 5.000.000 đồng tiền gốc.

5. Nguyễn Tấn D cho bà Đặng Thị L, sinh năm 1961, trú tại thôn I, xã N, tỉnh Khánh Hòa (Trước đây là khu phố I, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) vay tổng cộng 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 01/5/2024, D cho bà L vay số tiền 2.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 547,5%/năm). Từ ngày 01/5/2024 đến ngày 02/5/2024, bà L đã trả cho Danh số tiền lãi là 60.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 2.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 57.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 12/7/2024, D cho bà L vay số tiền 2.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 547,5%/năm). Từ ngày 12/7/2024 đến ngày 13/7/2024, bà L đã trả cho Danh số tiền lãi là 60.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 2.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 57.808 đồng.

- Lần 3: Ngày 24/7/2024, D cho bà L vay số tiền 2.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương

547,5%/năm). Từ ngày 24/7/2024 đến ngày 25/7/2024, bà L đã trả cho Danh số tiền lãi là 60.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 2.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 57.808 đồng.

Tổng số tiền lãi bà L đã trả cho D là 180.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 6.576 đồng, số tiền thu lợi bất chính là **173.424** đồng. Bà L đã thanh toán cho D 6.000.000 đồng tiền gốc.

6. Nguyễn Tấn D cho ông Trần Hữu L1, sinh năm 1993, trú tại thôn A, xã N, tỉnh Khánh Hòa (Trước đây là khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) vay tổng cộng 04 lần với tổng số tiền vay là 19.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 25/01/2024, D cho ông L1 vay số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 182,5%/năm). Từ ngày 25/01/2024 đến ngày 01/02/2024, ông L1 đã trả số tiền lãi là 210.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 23.014 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 186.986 đồng.

- Lần 2: Ngày 06/02/2024, D cho ông L1 vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 182,5%/năm). Từ ngày 06/02/2024 đến ngày 11/02/2024, ông L1 đã trả cho Danh số tiền lãi là 50.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 5.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 44.521 đồng.

- Lần 3: Ngày 03/4/2024, D cho ông L1 vay số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 182,5%/năm). Từ ngày 03/4/2024 đến ngày 05/4/2024, ông L1 đã trả số tiền lãi là 60.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 6.575 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 53.425 đồng.

- Lần 4: Ngày 14/6/2024, D cho ông L1 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 182,5%/năm). Từ ngày 14/6/2024 đến ngày 19/6/2024, ông L1 đã trả cho Danh số tiền lãi là 125.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 13.699 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 111.301 đồng.

Tổng số tiền lãi ông L1 đã trả cho D là 445.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 48.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là **396.233** đồng. Ông L1 đã thanh toán cho D 19.000.000 đồng tiền gốc.

7. Ngày 10/11/2023, D cho bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1972, trú tại thôn I, xã N, tỉnh Khánh Hòa (Trước đây là khu phố I, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) vay số tiền 5.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 365%/năm). Từ ngày 10/11/2023 đến ngày 29/11/2023, bà T đã trả cho Danh số tiền lãi là 950.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 52.055 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 897.945 đồng, đồng thời ngày 29/11/2023 bà T thanh toán hết tiền gốc cho D.

Ngoài ra, Nguyễn Tấn D khai còn cho một số người dân khác trên địa bàn xã N, tỉnh Khánh Hòa vay tiền với lãi suất cao. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người vay.

* Trong tổng số 07 người vay tiền của D, thì có 02 người là ông Trương Văn H2 vay của Danh số tiền 5.000.000 đồng ngày 01/9/2023, đã trả hết tiền gốc và lãi vào ngày 11/10/2023; và bà Nguyễn Thị Minh T vay của Danh số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 10/11/2023, đã trả hết tiền nợ gốc và lãi vào ngày 29/11/2023: Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 và việc xét xử vụ án Hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định: “trường hợp người thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên và các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần cho vay lãi nặng, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự”. Trường hợp ông Trương Văn H2 và bà Nguyễn Thị Minh T vay tiền của Nguyễn Tấn D đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không cấu thành tội phạm, không xử lý trong vụ án này.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà Nguyễn Tấn D đã cho 06 người vay là **45.000.000** đồng, trong đó số tiền gốc D đã thu lại là **42.000.000** đồng, số tiền gốc người vay còn nợ D là **3.000.000** đồng. Tổng số tiền lãi D đã thu là **72.050.000** đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 3.041.645 đồng, tiền thu lợi bất chính là **69.008.355** đồng.

Cáo trạng số: 01/CT-VKSKV8-HS ngày 09/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Tấn D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại cảm ứng màu đen, hiệu Iphone 12 Pro Max, số IMEI: 356718116393213, gắn sim số 0763666968, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là phương tiện mà Nguyễn Tấn D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu, sung ngân sách Nhà nước. Hiện điện thoại đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Khánh Hòa.

+ 01 cuốn vở 96 trang luôn bìa màu trắng xanh đỏ có hình hai em học sinh mang khăn quàng đỏ, loại 5 ô ly, hiệu Bút Cầu, có chữ “10 Điểm xuất sắc cho em”, đã qua sử dụng, bên trong cuốn vở có 14 trang đã được ghi chữ và số;

+ 01 cuốn vở 96 trang luôn bìa màu vàng xanh có hình hai em học sinh ngồi đọc sách, loại 5 ô ly, hiệu Bút Cầu, có chữ “10 Điểm xuất sắc cho em”, đã qua sử dụng, bên trong cuốn vở có 7 trang đã được ghi chữ và số;

+ 01 cuốn vở 96 trang luôn bìa màu trắng xanh có hình xe bán kem, hiệu T.T Book, có chữ “Dream Word”, đã qua sử dụng, bên trong cuốn vở có 9 trang đã được ghi chữ và số.

Quá trình điều tra, xác định 03 cuốn vở trên là các tài liệu có liên quan đến hoạt động cho vay của Nguyễn Tấn D, đề nghị thu giữ và tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

+ Đối với số tiền 45.000.000 đồng mà Nguyễn Tấn D dùng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Trong đó:

Số tiền Nguyễn Tấn D dùng để cho vay mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thảo H1 chưa trả cho D là 3.000.000 đồng, đề nghị buộc bà Bùi Thảo H1 nộp số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

Số tiền Nguyễn Tấn D dùng để cho vay mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả cho D là **42.000.000** đồng, đề nghị buộc Nguyễn Tấn D phải nộp số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.041.645 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Tấn D nộp số tiền này để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền thu lợi bất chính là 69.008.355 đồng. Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn K, bà Bùi Thảo H1, ông Trương Văn H2, ông Nguyễn Vũ C, bà Đặng Thị L, ông Trần Hữu L1 có ý kiến không nhận lại số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình, bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự, tuy nhiên, tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn K, bà Bùi Thảo H1, ông Trương Văn H2, ông Nguyễn Vũ C, bà Đặng Thị L, ông Trần Hữu L1, bà Nguyễn Thị Minh T vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa và không có lý do chính đáng. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án của những người vắng mặt, việc xét xử vắng mặt những người nêu trên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Căn cứ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07 tháng 5 năm 2023 đến ngày 23 tháng 12 năm 2024, Nguyễn Tấn D đã cho nhiều người trên địa bàn xã N, tỉnh Khánh Hòa vay tiền với lãi suất từ 15,2%/tháng đến 45,6%/tháng (tương đương 182,5%/năm đến 547,5%/năm) cao gấp trên 09 lần đến 27 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Cụ thể, xác định được Nguyễn Tấn D đã cho 06 người vay lãi nặng (gồm: ông Trương Văn K, bà Bùi Thảo H1, ông Trương Văn H2, ông Nguyễn Vũ C, bà Đặng Thị L, ông Trần Hữu L1) thu lợi bất chính 69.008.355 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng số: 01/CT-VKSKV8-HS ngày 09/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiểm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về tài chính của

người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[5] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” vào ngày 28/02/2017, bị cáo nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo không rút ra bài học cho bản thân, tiếp tục coi thường pháp luật. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[6] Về biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với điện thoại cảm ứng màu đen, hiệu Iphone 12 Pro Max, số IMEI: 356718116393213, gắn sim số 0763666968, đã qua sử dụng. Đây là phương tiện mà Nguyễn Tấn D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với 01 cuốn vở 96 trang luôn bìa màu trắng xanh đỏ có hình hai em học sinh mang khăn quàng đỏ, loại 5 ô ly, hiệu Bút Cầu, có chữ “10 Điểm xuất sắc cho em”, bên trong cuốn vở có 14 trang đã được ghi chữ và số; 01 cuốn vở 96 trang luôn bìa màu vàng xanh có hình hai em học sinh ngồi đọc sách, loại 5 ô ly, hiệu Bút Cầu, có chữ “10 Điểm xuất sắc cho em”, bên trong cuốn vở có 7 trang đã được ghi chữ và số; 01 cuốn vở 96 trang luôn bìa màu trắng xanh có hình xe bán kem, hiệu T.T Book, có chữ “Dream Word”, bên trong cuốn vở có 9 trang đã được ghi chữ và số. Đây là các loại giấy tờ chứng minh hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo, cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án theo quy định.

[6.3] Đối với số tiền 45.000.000 đồng mà Nguyễn Tấn D dùng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Trong đó:

[6.3.1] Số tiền Nguyễn Tấn D dùng để cho vay mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thảo H1 chưa trả cho D là 3.000.000 đồng. Buộc bà Bùi Thảo H1 nộp số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

[6.3.2] Số tiền Nguyễn Tấn D dùng để cho vay mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả cho D là 42.000.000 đồng, buộc Nguyễn Tấn D phải nộp số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

[6.4] Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.041.645 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo Nguyễn Tấn D nộp số tiền này để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6.5] Đối với số tiền thu lợi bất chính là 69.008.355 đồng. Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn K, bà Bùi Thảo H1, ông Trương Văn H2, ông Nguyễn Vũ C, bà Đặng Thị L, ông Trần Hữu L1 có ý kiến không nhận lại số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với việc bị cáo D cho ông Trương Văn H2 vay số tiền 5.000.000 đồng ngày 01/9/2023, ông H2 đã trả hết tiền gốc và lãi vào ngày 11/10/2023 và bị cáo D cho bà Nguyễn Thị Minh T vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 10/11/2023, bà T đã trả hết tiền nợ gốc và lãi vào ngày 29/11/2023. Trường hợp này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không cấu thành tội phạm, không xử lý trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, hình phạt chính đã đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Quan điểm của Viện kiểm sát về việc định tội và định khung hình phạt; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 201, Điều 35, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Tấn D** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn D** 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng: Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước điện thoại cảm ứng màu đen, hiệu Iphone 12 Pro Max, số IMEI: 356718116393213, gắn sim số 0763666968, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/8/2025 giữa Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Khánh Hòa và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K).

2.2. Tịch thu và lưu giữ trong hồ sơ vụ án theo quy định: 01 cuốn vở 96 trang luôn bìa màu trắng xanh đỏ có hình hai em học sinh mang khăn quàng đỏ, loại 5 ô ly, hiệu Bút Cầu, có chữ “10 Điểm xuất sắc cho em”, bên trong cuốn vở có 14 trang đã được ghi chữ và số; 01 cuốn vở 96 trang luôn bìa màu vàng xanh có hình hai em học sinh ngồi đọc sách, loại 5 ô ly, hiệu Bút Cầu, có chữ “10 Điểm xuất sắc cho em”, bên trong cuốn vở có 7 trang đã được ghi chữ và số; 01 cuốn vở 96 trang luôn bìa màu trắng xanh có hình xe bán kem, hiệu T.T Book, có chữ “Dream Word”, bên trong cuốn vở có 9 trang đã được ghi chữ và số.

2.3. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn D nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền dùng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 42.000.000 đồng, số tiền lãi bị cáo đã thu theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.041.645 đồng. Tổng cộng bị cáo Nguyễn Tấn D phải nộp **45.041.645** đồng (*bằng chữ: Bốn mươi năm triệu không trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi năm đồng*) vào ngân sách Nhà nước.

2.4. Buộc bà Bùi Thảo H1 nộp lại số tiền vay chưa trả là **3.000.000** đồng (*bằng chữ: Ba triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.5. Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm triệu đồng*) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000023 ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/9/2025); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLVN liên quan;

- VKSND Khu vực 8 - Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- CQCSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- CQTHAHS Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Thanh Loan